

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 13/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH V**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trần Đông.

Ông Trần Thanh T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Thạch C sinh ngày 01/1/1991, tại tỉnh V. Nơi cư trú: ấp La BC, xã ĐC, huyện D, tỉnh V; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: nam; Tôn giáo: phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch T, sinh năm 1970 và bà Thạch Thị N, sinh năm 1968; Có vợ chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1983 và con Thạch Thị Cẩm T, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 12/02/2022 đến ngày 15/02/2022 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Công H, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V.

Bị hại: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp ĐL, xã NL, huyện D, tỉnh V (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Thạnh A, xã P, huyện TP, tỉnh BT (có mặt).

Người làm chứng:

- Bà Thạch Thị N, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp La BC, xã ĐC, huyện D, tỉnh V (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp SR, xã NL, huyện D, tỉnh V (vắng mặt).

- Anh Thạch T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp CD, xã NL, huyện D, tỉnh V (vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà Sơn Thị H – nguyên là viên chức. Nơi cư trú: khóm 4, phường 1, thị xã D, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch C có quen biết với chị Phạm Thị D và biết chị D có điều kiện kinh tế ổn định, nên C đã nảy sinh ý định lừa đảo chị D để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 13/12/2021 C chủ động đưa ra thông tin gian dối, là có người di ruột (bà Thạch Thị N di tư của C) cần bán một mảnh đất chiều N 8 mét, dài 40 mét cặp đường lộ nhựa thuộc ấp X, xã NL, huyện D, tỉnh V. C hỏi chị D có cần mua đất không thì chị D đồng ý và yêu cầu C dẫn đi xem đất. C dẫn chị D đi xem một mảnh đất trống tại ấp X, xã NL nằm bên trái hướng từ chợ NL đi vào ấp X, xã NL. Sau khi xem đất xong, chị D hỏi giá thì C trả lời là 270.000.000 đồng nên chị D đồng ý mua. Sau khi nghe chị D đồng ý mua đất, C tiếp tục đưa ra thông tin gian dối, là có nhiều người muốn mua mảnh đất này, nếu chị D muốn mua thì phải đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng, để Chẹm đứng ra mua đất dùm, chị D đồng ý và hứa sẽ về gom tiền để đặt cọc. Vào ngày 14/12/2021 C tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là có người di ở Vĩnh Long muốn mua mảnh đất nêu trên để hỏi thúc chị D đưa tiền cọc. Đến sáng ngày 15/12/2021 chị D liên lạc với C và hẹn C đến chiều cùng ngày sẽ giao tiền cọc cho C tại quán P Nam thuộc ấp SR, xã NL, huyện D, tỉnh V. Đến 18 giờ ngày 15/12/2021 tại phòng (chòi lá) thứ ba bên phải từ Cửa đi vào của quán P Nam chị D giao cho C số tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua đất. Trong quá trình giao dịch, chị D yêu cầu C ghi vào tờ giấy tập học sinh kẻ ô ly nội dung “Thạch C 100.000.000 đồng” và “Thạch C”. Sau đó, chị D chụp hình lại tờ giấy tập học sinh kẻ ô ly cùng với số tiền, chứng minh nhân dân của Thạch C và căn cước công dân của chị D. Sau khi giao dịch xong, cả hai ngồi lại trong quán một lúc thì ra về.

Đến ngày 16/12/2021 chị D đến dọn dẹp vệ sinh thửa đất vừa đặt cọc thì được người dân xung quanh thông tin là thửa đất của một chủ khác nên chị D liên lạc với C. Lúc này C tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là cha C (ông Thạch T) đã sang tên đất

và gửi cho chị D hình ảnh một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha C đứng tên để củng cố lòng tin của chị D và yêu cầu chị D chuyển cho C số tiền 20.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Nhưng chị D không đồng ý và bắt đầu nghi ngờ C lừa đảo nên chị D nhiều lần tra hỏi C bằng điện thoại thì C đã thừa nhận là C đã lừa gạt chị D và số tiền 100.000.000 đồng C đã tiêu xài cá nhân hết nên C đã xin chị D cho C trả dần cho chị D, phía chị D không đồng ý. Đến ngày 21/12/2021 Thạch C cắt đứt mọi liên lạc với chị D nên chị D không liên lạc cũng như tìm kiếm không gặp C. Vì vậy, ngày 11/02/2022 chị D đến trình báo sự việc với cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D. Đến ngày 12/02/2022 C đã chủ động đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D đầu thú.

Ngày 14/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam cùng ngày đối với Thạch C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại cơ quan điều tra, Thạch C thừa nhận do cần tiền tiêu xài cá nhân nên C đã đưa ra thông tin gian dối như trên để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của chị D. Hiện tại số tiền chiếm đoạt được C đã dùng vào việc tiêu xài cá nhân hết. Đồng thời, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chứng minh được mảnh đất mà Châm kêu bán cho chị D có 02 thửa, gồm thửa số 83 diện tích 292,2m² và thửa 264 diện tích 144,1m², cùng tờ bản đồ số 29. Trước đây là của bà Thạch Thị N (dị ruột của C), nhưng bà N đã chuyển nhượng lại cho anh Thạch T và vợ là chị Nguyễn Thị T, nơi cư trú, ấp CD, xã NL, huyện D, tỉnh V. Hiện tại, bà N và vợ chồng anh T không ai kêu bán hai thửa đất nêu trên.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D quản lý và lưu theo hồ sơ vụ án:

-01 (một) giấy giao nhận tiền, loại giấy tập học sinh kẻ ô ly có bút tích của Thạch C và chị Phạm Thị D ngày 15/12/2021.

-01 (một) trang tài liệu khổ giấy A4 được in từ ảnh chụp điện thoại của chị Phạm Thị D có nội dung chụp lại giấy chứng nhận việc giao tiền, mặt trước giấy chứng minh nhân dân của Thạch C, mặt trước thẻ căn cước công dân của chị Phạm Thị D và một sấp tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng.

-08 (tám) trang tài liệu khổ giấy A4 được in từ ảnh chụp màn hình điện thoại của chị Phạm Thị D có nội dung liên lạc tin nhắn của chị Phạm Thị D và Thạch C.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Thạch C đã tác động chị Lê Thị Thanh T khắc phục bồi thường cho chị Phạm Thị D số tiền là 60.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 22/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh V đã truy tố Thạch C về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Thạch C khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã truy tố.

Bị hại chị Phạm Thị D trình bày, do chị D đã tự thỏa thuận bên ngoài với gia đình của bị cáo về P thức khắc phục số tiền 40.000.000 đồng còn lại nên chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 60.000.000 đồng mà chị đã khắc phục cho chị D thay cho bị cáo.

Phát biểu quan điểm luận tội của Vị kiểm sát viên tại phiên tòa: Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Thạch C phạm tội “ lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường hay khắc phục vấn đề gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát, bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, người bào chữa thống nhất với Vị kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên khả năng nhận thức, hiểu biết còn hạn chế. Từ những phân tích nêu trên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên thỏa mãn quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về án phí: do bị cáo là người dân tộc sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Thạch Cnói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tội danh: Qua quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa bị cáo Thạch C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo C làm quen và tiếp cận chị Phạm Thị D để đưa ra thông tin gian dối là có người di ruột (dì tư) của bị cáo C kêu bán mảnh đất và chị D đồng ý mua nên bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là có nhiều người muốn mua mảnh đất này để yêu cầu chị D đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng để bị cáo đứng ra mua đất dùm. Đến 18 giờ ngày 15/12/2021 tại quán P Nam, chị D giao cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng tiền đặt cọc. Qua ngày hôm sau, tức ngày 16/12/2021 chị D biết được thông tin mảnh đất mà bị cáo kêu bán cho chị D là của chủ sử dụng khác nên chị D liên lạc với Thạch C để xác nhận lại thông tin, nhưng Thạch C vẫn tiếp tục đưa ra thông tin gian dối và yêu cầu chị D gửi tiếp cho C số tiền 20.000.000 đồng, Chị D không đồng ý và bắt đầu nghi ngờ bị cáo gian dối nên nhiều lần sử dụng điện thoại để tra hỏi bị cáo. Cuối cùng bị cáo đã thừa nhận lừa gạt chị D và số tiền 100.000.000 đồng bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra đã chứng minh được mảnh đất mà C kêu bán cho chị D có 02 thửa, gồm thửa số 83 diện tích 292,2m² và thửa số 264 diện tích 144,1m², cùng tờ bản đồ số 29. Trước đây là của bà Thạch Thị N (dì ruột của C), nhưng bà N đã chuyển nhượng lại cho anh Thạch T và vợ là chị Nguyễn Thị T, nơi cư trú, ấp CD, xã NL, huyện D, tỉnh V. Hiện tại, bà N và vợ chồng anh T không ai kêu bán hai thửa đất nêu trên. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết đây là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do bản chất tham lam, lười biếng lao động nên bị cáo đã bất chấp và thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong vụ án án, một mình bị cáo thực hiện toàn bộ hành vi và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa P, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của bị cáo gây ra.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tác động chị Lê Thị Thanh T khắc phục thay cho bị cáo được số tiền 60.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cả bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, ông nội bị cáo là người có công với cách mạng được nhà nước ghi nhận công lao; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Việc Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: trong vụ án này, bị hại chị Phạm Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu bị cáo bồi thường hay khắc phục vấn đề gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều là chứng cứ hợp pháp.

[6]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố đúng quy định của pháp luật.

[7]. Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Thạch C về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh V về điều luật áp dụng, tội danh, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Về hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải đề nghị xử phạt bị cáo Thạch C từ 02 (hai) tháng 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[9]. Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa: Nhận bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý và số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại lớn, nhưng đến nay bị cáo khắc phục cho bị hại được số tiền 60.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng chưa khắc

phục nên phần nào đã gây tổn thất cho bị hại và gia đình bị hại. Hơn nữa, hành vi mà bị cáo thực hiện cũng là một trong những hành vi lừa đảo trong lĩnh vực đất đai đang nổi lên, trở thành một vấn đề nhức nhối trên địa bàn huyện hiện nay, có rất nhiều người vì ham được mua đất với giá rẻ hơn so với thị trường mà trở thành nạn nhân của những vụ lừa đảo này, gây nhiều bức xúc trong dư luận xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khung hình phạt nghiêm minh để cảnh báo và phòng ngừa chung cho xã hội. Từ đó, đề nghị áp dụng Điều 54 của người bào chữa không được chấp nhận. Đối với đề nghị miễn án phí, Hội đồng xét xử căn cứ vào quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc “*Quyết định phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi N, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025*” thì xã ĐC, huyện D không nằm trong danh sách nêu trên nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo không được chấp nhận.

[12]. Về án phí: Buộc bị cáo Thạch C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Thạch C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Thạch C 02 năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Thạch C phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- STP tỉnh V;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã ĐC;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Linh